

VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH THUẾ TRONG PHÁT TRIỂN TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VIỆT NAM

PGS.TS. Lý Phương Duyên* - Nguyễn Minh Nguyệt**

Việc xây dựng Trung tâm Tài chính Quốc tế (TTTC) tại Việt Nam là chủ trương chiến lược nhằm nâng cao vị thế quốc gia trong mạng lưới tài chính toàn cầu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Trên cơ sở Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội, bài viết phân tích và đề xuất chính sách thuế trọng tâm hỗ trợ hình thành TTTC tại Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích so sánh giữa cơ cấu thuế hiện hành của Việt Nam và các mô hình TTTC thành công trên thế giới. Kết quả cho thấy, TTTC không gây dịch chuyển hoạt động kinh tế mà ngược lại, thúc đẩy dòng vốn FDI và tạo việc làm tại các quốc gia có thuế suất cao. Các TTTC thành công đều gắn với chất lượng quản trị và khung thuế linh hoạt. Việt Nam cần áp dụng chính sách thuế suất thấp có chọn lọc đối với vốn di chuyển cao, đồng thời hoàn thiện khung pháp lý cho chuyển đổi số và tăng cường hợp tác quốc tế nhằm bảo đảm minh bạch, trách nhiệm và tính cạnh tranh của TTTC trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

• Từ khóa: trung tâm tài chính quốc tế (TTTC); chính sách thuế; thuế suất thấp; thuế tiêu dùng; cạnh tranh thuế; quản trị thuế.

The establishment of an International Financial Center (IFC) in Vietnam is a strategic policy to enhance the country's position in the global financial network and promote economic growth. Based on Resolution No. 222/2025/QH15 of the National Assembly, this article analyzes and proposes key tax policies to support the formation of an IFC in Vietnam. The study uses a comparative analysis method between Vietnam's current tax structure and successful IFC models in the world. The results show that IFC does not shift economic activities but, on the contrary, promotes FDI inflows and creates jobs in countries with high tax rates. Successful IFCs are associated with good governance and flexible tax frameworks. Vietnam needs to selectively apply low tax rates to highly mobile capital, while improving the legal framework for digital transformation and enhancing international cooperation to ensure transparency, accountability and competitiveness of IFCs in the era of globalization.

• Key words: international financial center (TTTC); tax policy; low tax rates; expenditure tax; tax competition; tax governance.

Ngày nhận bài: 13/8/2025

Ngày gửi phản biện: 20/9/2025

Ngày duyệt đăng: 30/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i299.10>

Đặt vấn đề

Sự hình thành và phát triển của các Trung tâm Tài chính Quốc tế (TTTC) là xu thế tất yếu trong tiến trình toàn cầu hóa tài chính. Dưới góc độ thuế, TTTC thường được đặc trưng bởi mức thuế suất

thấp và chính sách ưu đãi cạnh tranh, qua đó trở thành điểm đến hấp dẫn của dòng vốn quốc tế. Các TTTC đã chứng minh vai trò thúc đẩy tăng trưởng, đầu tư và hiệu quả thị trường, với tốc độ tăng GDP bình quân đầu người đạt 3,3%/năm - cao hơn gấp đôi mức trung bình toàn cầu.

Việc hình thành TTTC tại Việt Nam là yêu cầu khách quan nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư và hội nhập sâu vào hệ thống tài chính quốc tế. Trong đó, chính sách thuế giữ vai trò then chốt quyết định tính hấp dẫn và bền vững của mô hình TTTC, thông qua cơ chế thuế suất thu nhập thấp kết hợp với thuế dựa trên chi tiêu.

Nghiên cứu này nhằm phân tích và đề xuất các chính sách thuế phù hợp để thu hút vốn đầu tư nước ngoài, hỗ trợ hình thành TTTC tại Việt Nam, đồng thời bảo đảm tuân thủ các chuẩn mực minh bạch và quản trị toàn cầu theo khuyến nghị của OECD và Liên Hợp Quốc. Cấu trúc bài viết gồm bốn phần: (1) cơ sở lý luận về chính sách thuế TTTC; (2) phân tích tác động của chính sách thuế đối với FDI và cạnh tranh tài chính; (3) đánh giá thực trạng chính sách thuế Việt Nam; và (4) đề xuất giải pháp hoàn thiện chính sách thuế cho quá trình xây dựng TTTC.

Cơ sở lý luận: TTTC quốc tế và chính sách thuế

1. Khái niệm và đặc trưng của Trung tâm Tài chính Quốc tế (TTTC)

TTTC được hiểu là một hệ sinh thái dịch vụ tài chính tập trung, nơi quy tụ các định chế ngân

* Học viện Tài chính

** Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải

hàng, quỹ đầu tư, công ty tài chính và sàn giao dịch hoạt động trong khuôn khổ pháp lý và chính sách ưu đãi đặc thù. Hiện nay, thế giới có khoảng 119 TTTC, được phân loại theo ba cấp độ: quốc gia, khu vực và quốc tế. Mức độ phát triển của TTTC được đánh giá qua Chỉ số Trung tâm Tài chính Toàn cầu (GFCI), gồm năm trụ cột: môi trường kinh doanh, hệ sinh thái tài chính, hạ tầng, nguồn nhân lực và thương hiệu - danh tiếng.

Dưới góc độ chính sách thuế, TTTC thường gắn với mô hình “thiên đường thuế” - các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ áp dụng thuế suất thu nhập thấp hoặc bằng không đối với thu nhập từ nước ngoài, kết hợp với môi trường pháp lý ổn định, bảo mật thông tin cao. Thực tiễn cho thấy, giai đoạn 1982-1999, các TTTC đạt tăng trưởng GDP bình quân đầu người 3,3%/năm, cao gấp đôi mức trung bình toàn cầu (Hines, 2010). TTTC Dubai hiện đóng góp khoảng 5% GDP thành phố, thu hút hơn 6.000 doanh nghiệp mới (2024) với tổng tài sản 700 tỷ USD; trong khi TTTC Thượng Hải năm 2022 đóng góp hơn 87 tỷ USD cho kinh tế địa phương.

Tuy nhiên, thành công của các TTTC không chỉ đến từ ưu đãi thuế mà còn từ chất lượng thể chế và quản trị vượt trội. Các trung tâm hàng đầu như Thụy Sĩ, Singapore, Luxembourg đều nằm trong nhóm cao nhất của Chỉ số Quản trị Toàn cầu (WGI) về ổn định chính trị, hiệu quả chính phủ, chất lượng pháp luật và kiểm soát tham nhũng. Đây chính là yếu tố cốt lõi bảo đảm niềm tin và thu hút dòng vốn quốc tế.

2. Chiến lược thuế của các Trung tâm Tài chính Quốc tế

Nền tảng của các TTTC thành công dựa trên hai trụ cột chính trong thiết kế chính sách thuế:

Thứ nhất, áp dụng thuế suất thu nhập doanh nghiệp và cá nhân rất thấp hoặc bằng không nhằm tối đa hóa sức hấp dẫn của vốn di động cao. Theo lý thuyết kinh tế học công (Hines, 2005), đối với các nền kinh tế nhỏ và mở, việc đánh thuế cao lên vốn sẽ làm giảm hiệu quả phân bổ nguồn lực, dịch chuyển gánh nặng thuế sang lao động và đất đai. Do đó, TTTC lựa chọn giảm thuế trực tiếp, bù lại bằng lợi ích gián tiếp từ việc làm chất lượng cao, hoạt động dịch vụ tài chính - kế toán - pháp lý, và giá trị gia tăng của các yếu tố sản xuất tại chỗ.

Thứ hai, để bù đắp nguồn thu, TTTC chuyển trọng tâm sang thuế dựa trên tiêu dùng, như thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế nhập khẩu. Các loại thuế này có cơ sở thu hẹp theo lãnh thổ, ít bị xói mòn do chuyển giá hay dịch chuyển lợi nhuận, đồng thời đảm bảo nguồn thu ổn định cho ngân sách. Nhờ đó, TTTC vẫn duy trì được môi trường thuế cạnh tranh, song song với khả năng cung cấp dịch vụ công chất lượng cao, cũng có sức hấp dẫn đầu tư dài hạn.

Thực trạng và thách thức chính sách thuế để hình thành TTTC quốc tế tại Việt Nam

1. Thực trạng chính sách thuế

Việc xây dựng Trung tâm Tài chính Quốc tế (TTTC) tại Việt Nam đòi hỏi cải cách căn bản trong cấu trúc chính sách thuế, phù hợp với mô hình của các TTTC thành công trên thế giới. Nghị quyết số 222/2025/QH15, Điều 19, đã bước đầu quy định các ưu đãi thuế dành riêng cho khu vực này.

Về thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

- Ngành, nghề ưu tiên được áp dụng thuế suất 10% trong 30 năm, miễn tối đa 4 năm và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo.
- Ngành, nghề khác được áp dụng thuế suất 15% trong 15 năm, miễn tối đa 2 năm và giảm 50% trong 4 năm tiếp theo.
- Doanh nghiệp có thể lựa chọn mức ưu đãi có lợi nhất khi đáp ứng nhiều điều kiện.

Về thuế thu nhập cá nhân (TNCN):

- Miễn đến năm 2030 cho nhà quản lý, chuyên gia, nhà khoa học có trình độ cao (người Việt Nam và nước ngoài) làm việc tại TTTC.
- Miễn thuế TNCN đối với thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, vốn góp, quyền góp vốn vào các tổ chức trong TTTC đến hết năm 2030.

Về thuế xuất nhập khẩu:

- Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu từ TTTC ra nước ngoài hoặc nhập khẩu vào TTTC được hưởng mức thuế suất và thủ tục ưu đãi theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

So với mô hình thuế của các TTTC hàng đầu như Singapore, Luxembourg, UAE, Dublin, chính sách của Việt Nam thể hiện định hướng đúng: xây dựng khung ưu đãi có mục tiêu, tập trung không gian và đảm bảo ổn định pháp lý.

2. Ưu điểm

Thứ nhất, định vị ưu đãi theo không gian TTTC thay vì trải rộng trên toàn quốc là lựa chọn hợp lý, giúp tập trung nguồn lực, đơn giản hóa quản trị và phù hợp với thông lệ các khu tài chính đặc thù.

Thứ hai, cơ chế thuế TNDN được phân tầng rõ ràng theo ngành ưu tiên, với hai mức 10% và 15%, phản ánh thông điệp chính sách minh bạch, tương tự cách Singapore hay Luxembourg phân loại theo giá trị gia tăng thực tế (quản lý tài sản, trung gian thị trường...). Việc cho phép doanh nghiệp “chọn mức ưu đãi có lợi nhất” giúp tăng tính ổn định và dự đoán được rủi ro chính sách.

Thứ ba, ưu đãi TNCN thể hiện định hướng thu hút nhân tài quốc tế, miễn thuế thu nhập đến năm 2030 cho chuyên gia và nhà quản lý là yếu tố quan trọng để hình thành “chất xám hạt nhân” cho TTTC - tương đồng chính sách tại các trung tâm như Dubai hoặc Hong Kong.

Thứ tư, ưu đãi thương mại biên giới (XNK) theo điều ước quốc tế giúp giảm thủ tục, tạo thuận lợi cho lưu chuyển hàng hóa - dịch vụ tài chính, phù hợp cơ chế tự do thương mại và khu kinh tế đặc biệt của các TTTC hiện đại.

3. Hạn chế và thách thức

Thứ nhất, rủi ro xung đột với Trụ cột 2 - Thuế tối thiểu toàn cầu (GloBE). Thuế suất TNDN 10-15% thấp hơn mức tối thiểu 15% áp dụng cho các tập đoàn có doanh thu hợp nhất ≥ 750 triệu EUR. Nếu Việt Nam chưa triển khai Thuế tối thiểu nội địa đủ điều kiện (QDMTT), phần chênh lệch sẽ bị thu tại quốc gia đặt công ty mẹ theo cơ chế IIR hoặc UTPR, khiến Việt Nam thất thu và triệt tiêu hiệu quả ưu đãi. Trong bối cảnh đó, cơ chế hoàn thuế đủ điều kiện có thể là giải pháp cân bằng hơn, vừa đảm bảo thuế suất thực tế (ETR) đạt chuẩn 15%, vừa giữ sức hấp dẫn đầu tư.

Thứ hai, nguy cơ hình thành ưu đãi có hại (harmful tax practices). Việc thiết kế ưu đãi quá biệt lập trong phạm vi TTTC, không gắn với hoạt động tạo giá trị thực, dễ bị xem là ưu đãi thiếu bền vững. Xu hướng quốc tế hiện chuyển sang ưu đãi theo kết quả (outcome-based incentives) - miễn giảm thuế gắn với đổi mới sáng tạo, đầu tư xanh hoặc phát triển năng lực công nghệ, thay vì dựa thuần túy vào lãnh thổ.

Thứ ba, thiếu cơ chế hỗ trợ đầu tư tài chính chuyên sâu. Các quy định hiện hành chưa đề cập

đến bù trừ lỗ vốn cho hoạt động đầu tư - quản lý tài sản, cũng như chưa rõ ràng về miễn thuế đối với cổ tức và lãi vốn đủ điều kiện. Điều này hạn chế khả năng quản lý rủi ro và giảm sức hấp dẫn đối với nhà đầu tư dài hạn.

Thứ tư, ưu đãi TNCN diện rộng tiềm ẩn rủi ro công bằng và hiệu quả. Miễn thuế đến năm 2030 cho cả người Việt Nam và nước ngoài có thể gây chênh lệch thu nhập, tăng chi phí ngân sách và bị chất vấn về tính công bằng. Nhiều quốc gia chỉ áp dụng ưu đãi có điều kiện, giới hạn thời gian hoặc gắn với chuyển giao tri thức, nhằm đảm bảo cân bằng tài khóa và tạo hiệu ứng lan tỏa tri thức thực sự cho nền kinh tế sở tại.

4. Kết luận

Chính sách thuế dành cho TTTC tại Việt Nam đã tạo nền tảng khởi đầu đúng hướng, thể hiện nỗ lực hội nhập và cạnh tranh quốc tế. Tuy nhiên, để TTTC Việt Nam thực sự hấp dẫn và bền vững, cần tiếp tục hoàn thiện khung chính sách thuế theo ba hướng chính: (1) Bảo đảm tương thích với chuẩn mực thuế tối thiểu toàn cầu; (2) Chuyển từ ưu đãi lãnh thổ sang ưu đãi theo kết quả, khuyến khích đổi mới sáng tạo và giá trị gia tăng thực; (3) Thiết lập cơ chế thuế thông minh và minh bạch, vừa thu hút đầu tư, vừa duy trì công bằng xã hội và ổn định tài khóa.

Đó sẽ là nền tảng để TTTC Việt Nam không chỉ là “vùng ưu đãi thuế”, mà trở thành hệ sinh thái tài chính minh bạch, hiệu quả và hội nhập sâu vào mạng lưới tài chính toàn cầu.

Đề xuất chính sách thuế hỗ trợ hình thành và phát triển TTTC quốc tế tại Việt Nam

Việt Nam đang nổi lên như một điểm sáng về tăng trưởng và ổn định kinh tế vĩ mô, thu hút mạnh mẽ đầu tư quốc tế, từng bước hội tụ các điều kiện để phát triển một thị trường tài chính hiện đại, đủ năng lực liên kết với các TTTC khu vực và toàn cầu. Cùng với vị trí địa lý chiến lược - nằm tại giao điểm hàng hải Bắc-Nam và Đông-Tây, múi giờ đặc biệt khác biệt so với 21 TTTC hàng đầu thế giới - Việt Nam sở hữu lợi thế “riêng có” để thu hút dòng vốn luân chuyển toàn cầu. Thành phố Hồ Chí Minh đã được ghi danh trong bảng xếp hạng TTTC quốc tế, mở ra cơ hội hình thành một trung tâm tài chính tầm khu vực. Tuy nhiên, để hiện thực hóa tiềm năng ấy, Việt Nam cần một hệ thống chính sách thuế đặc thù, hiện đại và hài hòa

với chuẩn mực quốc tế.

Thứ nhất, cần chuyển trọng tâm từ “giảm thuế suất” sang “khấu trừ thuế có điều kiện” gắn với hoạt động đổi mới sáng tạo. Chính sách thuế nên duy trì mức thuế suất hiệu dụng tối thiểu không dưới 15%, phù hợp chuẩn mực thuế tối thiểu toàn cầu, đồng thời khuyến khích đầu tư thông qua khấu trừ chi phí hợp lệ cho nghiên cứu - phát triển (R&D), đào tạo nhân lực, chuyển giao công nghệ và tạo việc làm chất lượng cao. Cùng với đó, cần triển khai cơ chế thuế tối thiểu bổ sung trong nước (QDMTT) để giữ lại nguồn thu bổ sung tại Việt Nam, tránh thất thu do cơ chế thuế của quốc gia đặt trụ sở công ty mẹ.

Thứ hai, bổ sung cơ chế chuyển lỗ vốn và miễn thuế có điều kiện cho thu nhập đầu tư. Việc cho phép chuyển lỗ vốn có giới hạn thời gian và tỷ lệ, đi kèm kiểm soát chặt chẽ, sẽ giúp giảm biến động thu nhập, hỗ trợ các định chế tài chính, quỹ đầu tư và tổ chức môi giới quy mô lớn trong giai đoạn hình thành thị trường. Đồng thời, cần nghiên cứu miễn thuế có điều kiện đối với cổ tức, lãi vốn từ các khoản đầu tư đủ tiêu chuẩn, tạo môi trường cạnh tranh và ổn định cho dòng vốn dài hạn.

Thứ ba, cải cách chính sách thuế thu nhập cá nhân (TNCN) theo hướng có trọng tâm, hiệu quả và công bằng. Cần thiết kế mức miễn, giảm thuế hợp lý (khoảng 50-70% thu nhập chịu thuế), áp dụng có chọn lọc cho nhóm nhân lực có trình độ chuyên môn cao, khan hiếm trong lĩnh vực tài chính - công nghệ tài chính. Ưu đãi này nên gắn với nghĩa vụ chuyển giao tri thức và đào tạo nhân lực Việt Nam, đảm bảo chính sách vừa thu hút chuyên gia, vừa đóng góp cho năng lực nội sinh. Thời hạn ưu đãi có thể ngắn (5-7 năm) nhưng cho phép gia hạn có điều kiện nếu kết quả đóng góp đạt yêu cầu.

Thứ tư, xây dựng hệ thống đánh giá hiệu quả và cơ chế rà soát linh hoạt. Cần thiết lập bộ chỉ số định lượng để theo dõi toàn diện kết quả chính sách, gồm: tổng tài sản quản lý tại TTTC, số lượng quỹ đầu tư, hồ sơ thỏa thuận giá trước (APA), thời gian xử lý thủ tục, quy mô phát hành trái phiếu - cổ phiếu quốc tế, mức chi tiêu cho R&D trong nước, số lượng tài sản trí tuệ đăng ký tại Việt Nam và tỷ lệ tuân thủ báo cáo lợi nhuận toàn cầu. Hệ thống này cần gắn với cơ chế điều chỉnh tự động: nếu hiệu quả không đạt ngưỡng kỳ vọng, ưu đãi sẽ

được thu hẹp hoặc chấm dứt, đảm bảo chính sách luôn vận hành theo hướng thực chất.

Thứ năm, tăng cường liên thông giữa chính sách thuế và các lĩnh vực liên quan như tài chính, ngân hàng, hải quan và đổi mới sáng tạo. Thuế chỉ thực sự phát huy tác dụng khi song hành với cải cách thủ tục, số hóa quản trị và chuẩn hóa dữ liệu. Cần xây dựng khung pháp lý cho sandbox tài chính, định danh điện tử và chia sẻ dữ liệu liên ngành, giúp giảm chi phí tuân thủ, loại bỏ chướng ngại và tạo thuận lợi cho nhà đầu tư quốc tế. Sự phối hợp giữa Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Khoa học - Công nghệ sẽ hình thành một môi trường chính sách đồng bộ, nâng cao năng lực cạnh tranh của TTTC Việt Nam.

Tựu trung, chính sách thuế dành cho Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Việt Nam phải đạt sự cân bằng chiến lược giữa tính cạnh tranh và tính minh bạch: thuế suất hợp lý, tuân thủ chuẩn OECD/UN, song vẫn đảm bảo chất lượng quản trị cao và hiệu quả kinh tế bền vững. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, mọi TTTC thành công đều dựa trên nền tảng quản trị thuế minh bạch, linh hoạt và định hướng đổi mới. Việt Nam, với khát vọng vươn lên thành trung tâm tài chính của khu vực, cần tận dụng thời điểm “vàng” này để thiết lập một cơ chế thuế hiện đại, minh bạch, đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư toàn cầu mà vẫn bảo đảm lợi ích quốc gia lâu dài.

Tài liệu tham khảo:

- Alghamdi, F. S., Eulawi, B., Hussein, S. S., Duong, L., & Taylor, G. (2024). Non-arm's-length transactions, offshore financial centres, transfer pricing agreements and corporate cash holdings: Evidence from U.S. multinational corporations. *International Review of Financial Analysis*, 96, 103589. <https://doi.org/10.1016/j.irfa.2024.103589>
- Alstadsæter, A., Barrios, S., Nicodème, G., Skonieczna, A. M., & Vezzani, A. (2018). Patent boxes design, patents location, and local R&D. *Economic Policy*, 33(93), 131-177. <https://doi.org/10.1093/epolic/eix021>
- Cornelli, G., Doerr, S., Gambacorta, L., & Merrouche, O. (2024). Regulatory sandboxes and fintech funding: Evidence from the UK. *Review of Finance*, 28(1), 203-233. <https://doi.org/10.1093/rf/rfad017>
- Griffith, R., Miller, H., & O'Connell, M. (2014). Ownership of intellectual property and corporate taxation. *Journal of Public Economics*, 112, 12-23. <https://doi.org/10.1016/j.jpubeco.2014.01.009>
- Hines, J. R., Jr. (2009). *International financial centers and the world economy*. Society of Trust and Estate Practitioners (STEP). <https://repository.law.umich.edu/other/190/>
- Phan, H. L., & Phùng, T. H. T. (2021). Xây dựng một trung tâm tài chính quốc tế - Cơ sở lý thuyết và hàm ý thực tiễn cho thành phố Đà Nẵng. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển (Journal of Economics and Development)*, 294, 52-62. <https://js.kpt.edu.vn/index.php/jed/article/view/105>
- Pogliani, P., & Wooldridge, P. (2022a). Cross-border financial centres (BIS Working Paper No. 1035). Bank for International Settlements. <https://www.bis.org/publ/work1035.pdf>
- Pogliani, P., von Peter, G., & Wooldridge, P. (2022b, June). The outside role of cross-border financial centres. *BIS Quarterly Review*, 1-15. https://www.bis.org/publ/qtrpdf/r_qt2206b.pdf
- Stewart, M. (2024). International institutions in global tax governance. *Journal of International Economic Law*, 27(4), 618-623. <https://doi.org/10.1093/jiel/jgae042>
- Zoromé, A. (2007). Concept of offshore financial centers: In search of an operational definition (IMF Working Paper WP/07/87). International Monetary Fund. <https://www.imf.org/external/pubs/ft/wp/2007/wp0787.pdf>